

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 10/03/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.
2. Ông Nguyễn Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng A, sinh năm: 1986 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 08 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc D đăng ký kết hôn từ năm 2014 tại UBND xã Quảng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông D chửi và đánh đập bà nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Hiện hai người không sống

chung và không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Vợ chồng có chung 01 người con, tên con là Nguyễn Trần Hoàng M, sinh ngày 04/12/2014. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên bà A đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Ông và bà Trần Thị Hồng A có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Quảng Sơn. Sau khi lấy nhau ông và bà A sống tại Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu hai người sống rất hạnh phúc nhưng sau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, hiện hai người không sống chung với nhau. Nay bà A xin ly hôn thì ông không đồng ý và xin về đoàn tụ do ông còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có chung 01 người con, tên con là Nguyễn Trần Hoàng M, sinh ngày 04/12/2014. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con Nguyễn Trần Hoàng M cho bà A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật Tố tụng của đương sự: Nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng A đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông Nguyễn Ngọc D không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình mặc dù đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng A và ông Nguyễn Ngọc D đã mâu thuẫn trầm trọng. Yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng A.

- Về con chung: Vợ chồng có chung 01 người con là Nguyễn Trần Hoàng M, sinh ngày 04/12/2014. Xét đề nghị của ông D và bà A, nguyện vọng của con và sự tự nguyện của ông D về cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giao cháu

Nguyễn Trần Hoàng M, sinh ngày 04/12/2014 cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Hồng Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Ngọc D là bị đơn; trú tại Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng Á có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Ngọc D vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng Á và ông Nguyễn Ngọc D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, do tính tình không hợp nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng Á.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có chung 01 người con là Nguyễn Trần Hoàng M, sinh ngày 04/12/2014. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Á và ông D tự nguyện thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trần Hoàng M cho bà Á trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tuy bà Á không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông D tự nguyện cấp dưỡng và cháu M cũng có yêu cầu cấp

dưỡng. Xét yêu cầu của các bên và sự tự nguyện của ông D là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu M cho bà A nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Hồng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51,56,81,82,83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng A. Bà Trần Thị Hồng A được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Hoàng M, sinh ngày 04/12/2014 cho Bà Trần Thị Hồng A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Hoàng M là 3.000.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trần Hoàng M đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán cho người được thi hành án số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án một khoản lãi suất theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ

luật dA sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003012 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dA sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Bà A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dA sự thì Người được thi hành án dA sự, Người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dA sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dA sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS H. Ninh Sơn;
- UBND xã Quảng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Kim